

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ BÌNH THUẬN**

Số: 397/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Thuận, ngày 07 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu thu-chi ngân sách quý 2 năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH THUẬN**

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 20 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của HĐND xã Bình Thuận tại kỳ họp thứ 3 khoá XX nhiệm kỳ 2021-2026 về việc Phê chuẩn dự toán tthu-chi ngân sách xã Bình Thuận năm 2022;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện thu-chi ngân sách quý 2 năm 2022 ( Theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng UBND, cán bộ Tài chính-kế toán và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận :**

- UBND huyện Đại Từ;
- Phòng Tài chính huyện Đại Từ;
- Đảng ủy, HĐND, các đoàn thể;
- Các trưởng xóm trong xã;
- Lưu: Văn phòng UBND.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH**



**Trịnh Văn Thức**

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>6.135.354.000</b>	<b>4.462.506.293</b>	<b>72,73</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	74.000.000	22.509.000	30,42
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	562.000.000	133.998.873	23,84
3	Thu bổ sung	5.082.501.000	3.889.145.420	76,52
	- <i>Bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>5.082.501.000</i>	<i>2.607.917.000</i>	<i>51,31</i>
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>0</i>	<i>1.281.228.420</i>	
4	Thu chuyển nguồn	416.853.000	416.853.000	
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>6.135.354.000</b>	<b>3.970.588.305</b>	<b>64,72</b>
1	Chi đầu tư phát triển		1.032.529.000	
2	Chi thường xuyên	6.035.354.000	2.938.059.305	48,68
3	Dự phòng	100.000.000		0,00

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022**

Đơn vị: đồng



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II/2022 (6 THÁNG)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	<b>Tổng số thu</b>	<b>5.504.582.000</b>	<b>5.504.582.000</b>	<b>5.836.850.946</b>	<b>4.604.486.293</b>	<b>106,04</b>	<b>83,65</b>
	<b>Thu cân đối ngân sách</b>	<b>636.000.000</b>	<b>636.000.000</b>	<b>1.388.872.526</b>	<b>156.507.873</b>	<b>218,38</b>	<b>24,61</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>74.000.000</b>	<b>74.000.000</b>	<b>22.509.000</b>	<b>22.509.000</b>	<b>30,42</b>	<b>30,42</b>
1	Phí, lệ phí	24.000.000	24.000.000	12.576.000	12.576.000	52,40	52,40
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	0	0				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	0	0				
4	Thu khác	50.000.000	50.000.000	9.933.000	9.933.000	19,87	19,87
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>562.000.000</b>	<b>562.000.000</b>	<b>1.366.363.526</b>	<b>133.998.873</b>	<b>243,13</b>	<b>23,84</b>
1	Các khoản thu phân chia	99.000.000	99.000.000	118.128.873	118.128.873	119,32	119,32
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	0	0			
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		0	0			
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	11.000.000	11.000.000	11.300.000	11.300.000	102,73	102,73
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	88.000.000	88.000.000	106.828.873	106.828.873	121,40	121,40
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	463.000.000	463.000.000	1.248.234.653	15.870.000	269,60	3,43
21	Thu tiền sử dụng đất	0	0	957.077.942	0		
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		0		0		
23	Thuế tài nguyên		0		0		
24	Thuế giá trị gia tăng	63.000.000	63.000.000	15.870.000	15.870.000	25,19	25,19
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp		0		0		
26	Thuế thu nhập cá nhân	400.000.000	400.000.000	275.286.711	0	68,82	0,00
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt		0		0		
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>		0				
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>416.853.000</b>	<b>416.853.000</b>	<b>558.833.000</b>	<b>558.833.000</b>	<b>134,06</b>	<b>134,06</b>
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>		0				
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.082.501.000</b>	<b>5.082.501.000</b>	<b>3.889.145.420</b>	<b>3.889.145.420</b>	<b>76,52</b>	<b>76,52</b>
1	Thu bổ sung cân đối	5.082.501.000	5.082.501.000	2.607.917.000	2.607.917.000	51,31	51,31
2	Thu bổ sung có mục tiêu	0	0	1.281.228.420	1.281.228.420		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUY II NĂM 2022

Đơn vị: đồng



STT A	NỘI DUNG B	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝII/2022 (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ 1	XDCB 2	TX 3	TỔNG SỐ 4	XDCB 5	TX 6	TỔNG SỐ 7 = 4/1	XDCB 8 = 5/2	TX 9 = 6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>6.135.354.000</b>		<b>6.135.354.000</b>	<b>3.970.588.305</b>	<b>1.032.529.000</b>	<b>2.938.059.305</b>	<b>64,72</b>		<b>47,89</b>
	Trong đó:	0		0	0		0			0
	Tiết kiệm chi 10%	72.633.000		72.633.000	0		0	0,00		0,00
1	Chi quốc phòng	468.321.000		468.321.000	307.098.570		307.098.570	65,57		65,57
2	Chi an ninh trật tự	374.688.000		374.688.000	172.943.939		172.943.939	46,16		46,16
3	Chi giáo dục	0		0	0		0			
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		0	0		0			
5	Chi y tế	91.188.000		91.188.000	42.912.000		42.912.000	47,06		47,06
6	Chi văn hóa, thông tin	31.500.000		31.500.000	13.828.036		13.828.036	43,90		43,90
7	Chi phát thanh, truyền thanh	0		0	0		0			
8	Chi thể dục, thể thao	22.500.000		22.500.000	9.597.600		9.597.600	42,66		42,66
9	Chi bảo vệ môi trường	0		0	0		0			
10	Chi các hoạt động kinh tế	30.000.000		30.000.000	0		0	0,00		0,00
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.565.894.000		4.565.894.000	3.265.169.160	1.032.529.000	2.232.640.160	71,51		48,90
12	Chi cho công tác xã hội	378.630.000		378.630.000	159.039.000		159.039.000	42,00		42,00
13	Chi khác	0		0	0		0			
14	Dự phòng	100.000.000		100.000.000	0		0	0,00		0,00

**BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH  
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2022**

(Kèm theo quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2022 )



**1. Thu ngân sách:**

Tổng thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2022 đạt: 5.836,85 triệu đồng, bằng 106,0% dự toán năm 2022 (trong đó: ngân sách địa phương được hưởng 4.604,5 triệu đồng), cụ thể như sau:

- Thu cân đối đạt: 156,5 triệu đồng; đạt 24,6% so với dự toán năm 2022. Trong đó một số khoản thu thấp như khác tại xã và một số khoản thu giao trong năm nhưng xã không được hưởng theo phân cấp do tỉnh ban hành Nghị quyết phân cấp nguồn thu sau khi đã giao dự toán và chưa thực hiện điều chỉnh dự toán thu cho đơn vị.

*(Chi tiết theo Biểu 114/CK-NSNN kèm theo)*

Tổng chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2022: 3.970,6 triệu đồng, đạt 64,72% dự toán năm 2022.

*(Chi tiết theo Biểu 115/CK-NSNN kèm theo),*

**1.1. Chi đầu tư phát triển:** 1.032,5 triệu đồng. Trong đó thanh toán trả nợ cho 01 công trình đã quyết toán hoàn thành năm 2021.

**1.2. Chi thường xuyên:** 2.938,1 triệu đồng, đạt 47,89% dự toán năm 2022, trong đó:

- Chi sự nghiệp y tế: 42,9 triệu đồng, đạt 47,05% dự toán năm.
- Chi sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao: 23,4 triệu đồng, đạt 45,2% dự toán năm
- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: .
- Chi quản lý hành chính: 2.232,6 triệu đồng, đạt 48,9% dự toán năm, .
- Chi quốc phòng: 307,1 triệu đồng, đạt 65,57% dự toán năm.
- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: 172,9 triệu đồng, đạt 46,2% dự toán năm.

Nhìn chung, 6 tháng đầu năm do dịch bệnh Covid-19 gây ảnh hưởng đến thu chi ngân sách, đặc biệt kinh phí cho phòng, chống dịch Covid-19 phát sinh rất lớn, tuy nhiên UBND xã đã xin ý kiến HĐND xã sử dụng nguồn dự phòng ngân sách năm 2022 để chi phí mua các thiết bị cần thiết, cấp bách cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19.

Trên đây là khái quát tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng năm 2022, UBND xã Bình Thuận trân trọng báo cáo./